

Số: 382/2025/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 345/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con chung”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Lệ K**, sinh năm 1985

Số căn cước: 001185017xxx do Bộ Công an cấp ngày 07/02/2025

- **Bị đơn:** Anh **Trần Mạnh Q**, sinh năm 1983

Số CCCD: 001083060xxx do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/7/2021.

Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Lệ K và anh Trần Mạnh Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của giữa chị Lê Thị Lệ K và anh Trần Mạnh Q, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị K và anh Q thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Trần Lê Minh A, sinh ngày 15/9/2007 và cháu Trần Trí D, sinh ngày 09/9/2011. Khi ly hôn chị K và anh Q thống nhất thỏa thuận:

+ Cháu Trần Lê Minh A đã đến tuổi trưởng thành nên cháu ở với ai do cháu Minh A tự quyết định. Chị K và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

+ Anh Q là bố được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Trần Trí D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị K và anh Q thống nhất tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Chị Lê Thị Lệ K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng (là động sản và bất động sản): Chị K và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Chị K và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Lệ K chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011769 ngày 14/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội. Hoàn trả chị K 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Hà Nội;
- UBND xã B, huyện G, thành phố Hà Nội
- Nay là xã B, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15; quyền số 01/2006 do UBND xã B, huyện G, thành phố Hà Nội - Nay là xã B, thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 03/5/2006);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đàm